

Số: 56 /GPMT-KCNĐN

Đồng Nai, ngày 24 tháng 4 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai thực hiện thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 439/QĐ-KCNĐN ngày 15/11/2023 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai về thành lập hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường dự án của Công ty Cổ phần Kết cấu thép GSB tại Khu công nghiệp Thạnh Phú, ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ văn bản số 4931/KCNĐN-MT ngày 29/12/2023 của Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Kết cấu thép GSB tại văn bản số 01/VBGT-GSB đề ngày 11/4/2024 về việc giải trình chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường dự án của công ty tại Khu công nghiệp Thạnh Phú, ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Kết cấu thép GSB (sau đây gọi là chủ dự án) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Sản xuất, gia công cơ khí các sản phẩm như kết cấu thép công trình dân dụng và công nghiệp (khung kèo thép nhà xưởng, nhà kho, nhà văn phòng,...), thiết bị

phục vụ ngành xây dựng (giàn giáo, cốt pha...), các sản phẩm cơ khí khác làm từ thép với quy mô 9.600 tấn sản phẩm/năm (không bao gồm công đoạn xi mạ) và cho thuê nhà xưởng với diện tích 16.000 m²” tại khu công nghiệp Thạnh Phú, ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Sản xuất, gia công cơ khí các sản phẩm như kết cấu thép công trình dân dụng và công nghiệp (khung kèo thép nhà xưởng, nhà kho, nhà văn phòng,...), thiết bị phục vụ ngành xây dựng (giàn giáo, cốt pha...), các sản phẩm cơ khí khác làm từ thép với quy mô 9.600 tấn sản phẩm/năm (không bao gồm công đoạn xi mạ) và cho thuê nhà xưởng với diện tích 16.000 m²”.

1.2. Địa điểm hoạt động: khu công nghiệp Thạnh Phú, ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty Cổ phần, Mã số doanh nghiệp: 3602528152, đăng ký lần đầu ngày 07/07/2011, thay đổi lần thứ 8 ngày 14/08/2020 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 7338806562, chứng nhận lần đầu ngày 10/11/2011, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 28/9/2020 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 3602528152

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công cơ khí các sản phẩm như kết cấu thép công trình dân dụng và công nghiệp (khung kèo thép nhà xưởng, nhà kho, nhà văn phòng,...), thiết bị phục vụ ngành xây dựng (giàn giáo, cốt pha...), các sản phẩm cơ khí khác làm từ thép (không bao gồm công đoạn xi mạ) và cho thuê nhà xưởng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Diện tích khu đất của dự án 55.572,7 m².

- Tiêu chí về môi trường: Nhóm III.

- Quy mô: Nhóm C (đã được Ban Quản lý các KCN phê duyệt báo cáo ĐTM).

- Công suất: 9.600 tấn sản phẩm/năm và cho thuê với diện tích 16.000 m² (không bao gồm các công trình phụ trợ không tính phí).

- Quy trình sản xuất: Nguyên liệu đầu vào (Thép tấm, thép định hình và tôn thép) → Tạo phôi → Tạo lỗ → Ráp thô → Hàn → Nắn dầm → Ráp bản mã → Hàn hoàn thiện → Vệ sinh bề mặt (mài, chà, phun bi) → Sơn hoàn thiện → Thành phẩm → Lưu kho.

Ghi chú: Tùy theo đơn hàng, các công đoạn “Tạo lỗ”, “Ráp thô”, “Hàn”, “Nắn dầm” có thể thực hiện hoặc không thực hiện tại nhà máy.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ dự án:

1. Chủ dự án có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Chủ dự án có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 24 tháng 4 năm 2024 đến ngày 24 tháng 4 năm 2034).

Điều 4. Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 150/XN-KCNĐN ngày 25/9/2017 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp cho dự án “Nhà máy sản xuất gia công cơ khí với công suất 960 tấn sản phẩm/năm (không bao gồm công đoạn xi mạ); xây dựng văn phòng, nhà xưởng cho thuê với diện tích 35.944 m²” và Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 501/QĐ-KCNĐN ngày 30/11/2021 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp cho dự án “Sản xuất, gia công cơ khí các sản phẩm như kết cấu thép công trình dân dụng và công nghiệp (khung kèo thép nhà xưởng, nhà kho, nhà văn phòng,...), thiết bị phục vụ ngành xây dựng (giàn giáo, cốt pha...), các sản phẩm cơ khí khác làm từ thép với quy mô 9.600 tấn sản phẩm/năm (không bao gồm công đoạn xi mạ) và cho thuê nhà xưởng với diện tích 16.000 m²” hết hiệu lực kể từ ngày giấy phép môi trường có hiệu lực.

Điều 5. Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các KCN Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Vĩnh Cửu;
- Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình;
- Chủ dự án (thực hiện);
- Website Ban Quản lý các KCN;
- Lưu: VT, MT (AD).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Quốc Ân

PHỤ LỤC 1
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 56 /GPMT-KCNĐN ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nước thải của dự án được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai theo hợp đồng xử lý nước thải số 07/HĐNT-TP ngày 21/06/2021 giữa Công ty Cổ phần Kết cấu thép GSB và Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình.

- Nước thải từ hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn và nước dầu thải từ quá trình làm mát khi gia công được thu gom, chứa trong thùng chứa và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định theo dạng chất thải nguy hại, không xả thải ra ngoài môi trường.

- Chủ dự án không được xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom nước mưa, nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân viên Chủ dự án khoảng 11,8 m³/ngày đêm được xử lý sơ bộ qua 02 bể tự hoại 3 ngăn (mỗi bể thể tích 10 m³) sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 35 m³/ngày đêm trước khi đầu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Thạnh Phú (tại 1 hố ga trên đường số 1).

- Nước thải sinh hoạt của công nhân viên đơn vị thuê xưởng khoảng 19,6 m³/ngày đêm được xử lý qua 10 bể tự hoại 3 ngăn (mỗi bể thể tích 10 m³) và dẫn về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải (công suất thiết kế: 35 m³/ngày đêm) trước khi đầu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Thạnh Phú (tại 1 hố ga trên đường số 1).

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 35 m³/ngày đêm được dẫn bằng hệ thống ống mềm D76 mm luôn trong ống STK D114 mm, độ dốc $i = 0,5\%$ để đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Thạnh Phú tại 1 hố ga trên đường số 1.

- Nước thải sản xuất của chủ dự án phát sinh từ hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn khoảng 1,0 m³/lần/tháng và nước dầu thải làm mát khi gia công khoảng 0,5 m³/lần/năm được chứa trong thùng chứa và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định theo dạng chất thải nguy hại, không xả thải ra ngoài môi trường.

- Đơn vị thuê xưởng phải có ngành nghề phù hợp với giấy phép môi trường của KCN Thạnh Phú, không phát sinh nước thải sản xuất hoặc trường hợp có

phát sinh nước thải sản xuất (tối đa 5 m³/ngày đêm) sẽ được thu gom, xử lý như chất thải nguy hại theo quy định.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất thiết kế 35 m³/ngày đêm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: *Nước thải (chủ dự án và đơn vị thuê xưởng) → Bể thu gom (2 bể riêng biệt để thu gom của chủ dự án và đơn vị thuê xưởng) → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Thanh Phú.*

- Công suất thiết kế: 35 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này): Mật rỉ đường, NaHCO₃, Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Định kỳ 6 tháng/lần thực hiện quan trắc nước thải đối với nước thải đầu ra theo giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Thanh Phú.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được chứa tại các bể của hệ thống xử lý và không xả trực tiếp ra ngoài môi trường đến khi hệ thống xử lý nước thải khắc phục xong. Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay, cần thời gian dài hơn để xử lý thì sẽ thông báo tạm ngưng các hoạt động phát sinh nước thải để khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 6 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất thiết kế 35 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Thành phần ô nhiễm chính đầu vào, đầu ra: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, TSS, Tổng N, Tổng P, Amoni, Clo dư.

- Giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Thanh Phú.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tiếp nhận của KCN Thạnh Phú và biện pháp kiểm soát, giám sát nước thải theo thỏa thuận giữa Chủ dự án và Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN (Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình), không được xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Thạnh Phú để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 56 /GPMT-KCNĐN ngày 24 tháng 4
năm 2024 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- + Nguồn số 01: khí thải phát sinh từ quá trình phun bi.
- + Nguồn số 02: khí thải phát sinh từ quá trình sơn.
- + Nguồn số 03: khí thải từ máy nén khí (không có dòng thải do không qua hệ thống xử lý khí thải).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

+ Dòng khí thải số 01 (tương ứng nguồn số 01): 01 ống thải sau hệ thống xử lý bụi từ quá trình phun bi, công suất thiết kế 21.000 m³/giờ. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1.217.542; Y = 401.027;

+ Dòng khí thải số 02 (tương ứng nguồn số 02): 01 ống thải sau hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn, công suất thiết kế 60.000 m³/giờ (hệ thống xử lý). Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1.217.573; Y = 401.003.

(Ghi chú: Theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực 107⁰45, múi chiều 3⁰).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 81.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả thải liên tục 24/24 giờ khi phát sinh.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với K_v= 1 và K_p theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải của dự án) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải số 01				Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	6 tháng/lần	
2	Bụi	mg/Nm ³	180		
I	Dòng khí thải số 02				1 năm/lần
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	6 tháng/lần	
2	Bụi	mg/Nm ³	180		
3	Xylen	mg/Nm ³	870		
4	EthylBenzen	mg/Nm ³	870		
5	Toluen	mg/Nm ³	750		

Ghi chú:

(1) Giá trị giới hạn cho phép: theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 1,0$ và $K_p = 0,9$) và QCVN 20:2009/BTNMT.

(2) Chủ dự án phải kiểm tra, giám sát các nguồn phát sinh khí thải đảm bảo chất lượng khí thải trước khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 1,0$ và K_p theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải của dự án) và QCVN 20:2009/BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải từ quá trình làm sạch bề mặt (phun bi) được xử lý qua hệ thống xử lý bụi, công suất thiết kế 21.000 m³/giờ đi kèm máy phun bi rồi theo 02 đường ống thu gom bằng kẽm ra bể nước hấp thụ, sau đó thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thải.

- Khí thải từ quá trình sơn được thu gom qua các đường ống bằng thép về hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn, công suất thiết kế 60.000 m³/giờ để xử lý, sau đó thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý xử lý bụi: 01 hệ thống.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: *Bụi* → *Lọc bụi thô* → *Quạt hút* → *Lọc bụi tinh* → *Đường ống thu gom* → *Bể nước hấp thụ* → *Ống thoát khí* → *Khí thải đạt giá trị giới hạn cho phép được xả thải ra môi trường*.

- Công suất thiết kế: 21.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Ống lọc cartridge hình trụ và lọc bụi sợi tổng hợp.

1.2.2. Hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn: 01 hệ thống.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: *Bụi, hơi dung môi sơn* → *Quạt hút* → *Tháp hấp thụ* → *Ống thoát khí* → *Khí thải đạt giá trị giới hạn cho phép được xả thải ra môi trường*.

- Công suất thiết kế: 60.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: H₂O₂

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ tiến hành kiểm tra các thiết bị thu gom chất thải; vệ sinh đường ống hút bụi, hút khí để tăng hiệu suất xử lý.

- Khi xảy ra sự cố, nhà máy cho ngừng vận hành ngay lập tức các dây chuyền sản xuất tương ứng với hệ thống xử lý khí thải bị sự cố. Phối hợp với các cơ quan chức năng để khắc phục sự cố. Chỉ đưa dây chuyền vào vận hành khi khắc phục xong sự cố.

- Bố trí công nhân vận hành thường xuyên, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 6 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: 01 Thiết bị xử lý bụi, công suất thiết kế 21.000 m³/giờ và 01 Hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi sơn, công suất thiết kế 60.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: theo vị trí được cấp phép tại Phần A (2.1 và 2.2) Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Phần A 2.2.2 của Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 56 /GPMT-KCNĐN ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: khu vực cắt thép.
- Nguồn số 02: khu vực hàn.
- Nguồn số 03: khu vực phun bi.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Nguồn số 01: khu vực cắt thép (tọa độ: X = 1.217.612, Y = 400.887).
- Nguồn số 02: khu vực hàn (tọa độ: X = 1.217.549, Y = 400.896).
- Nguồn số 03: khu vực phun bi (tọa độ: 1.217.545, 401.011).

(Ghi chú: Theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trục 107⁰45, múi chiếu 3⁰)

3. Tiếng ồn: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc theo QCVN 24:2016/BYT, cụ thể như sau:

STT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L_{aeq}) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

4. Độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT.

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 56 /GPMT-KCNĐN ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh dự kiến:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

S T T	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Số lượng (kg/năm)
1	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	Rắn	07 04 02	KS	963
2	Vật liệu mài dạng hạt thải (bi, bột mài,...) và cặn bi thải	Rắn	07 03 08	KS	1.041
3	Nước dầu thải từ quá trình gia công tạo hình	Lỏng	07 03 05	NH	500
4	Giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	720
5	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	18 01 03	KS	84
6	Bao bì kim loại cứng thải	Rắn	18 01 02	KS	1.800
7	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 04	NH	48
8	Cặn sơn, sơn thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác từ HTXL	Lỏng	08 01 01	KS	12.000
9	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	NH	8
Tổng cộng khối lượng chất thải dự kiến (kg/năm)					17.164

Ghi chú: Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện phân định, phân loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh dự kiến:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Bùn thải không nguy hại từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	Bùn	-	1.152
2	Vụn thép, sản phẩm lỗi không thể tái chế không chứa thành phần nguy hại	Rắn	-	280.000
3	Bao bì, giấy loại bỏ từ hoạt động văn phòng	Rắn	18 01 05	2.880
Tổng cộng khối lượng chất thải dự kiến (kg/năm)				284.032

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh dự kiến:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Nhóm thực phẩm	6,4
2	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	3,2
Tổng cộng khối lượng chất thải dự kiến (kg/năm)		9,6

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa.

2.1.2. Khu lưu giữ chất thải nguy hại:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 8,4 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Khu lưu giữ được bố trí có mái che, tôn bao quanh, được phân chia khu vực hợp lý tương ứng với từng loại chất thải, có cát, xẻng, giẻ lau, bình phòng cháy chữa cháy, có biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, bao bì chứa.

2.2.2. Khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 19,2 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Khu lưu giữ được bố trí có mái che, nền bê tông và mái tôn bao quanh, được phân chia khu vực hợp lý tương ứng với từng loại chất thải, có biển báo theo tiêu chuẩn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 660 lít trên đường nội bộ bên ngoài nhà xưởng, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG:

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:

Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 56 /GPMT-KCNĐN ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi đối với dự án.

4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.

6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

8. Trong quá trình hoạt động nếu dự án có xảy ra sự cố môi trường, phải

chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình, UBND huyện Vĩnh Cửu, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ quan có liên quan. Chủ dự án chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.

10. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hóa chất.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện quản lý sử dụng đất, trình tự thủ tục xây dựng, PCCC theo quy định pháp luật hiện hành

13. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI